CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn PC1

Ngày 30/06/2025	21,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.0%	**-3.1%**	**-5.8%**

DT thuần
Q2/25
2,935
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,075| 57.8%
YoY: ▼206| -6.6%

LN thuần
Q2/25
206
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 41.0| 24.9%
YoY: ▼17.0| -7.6%

LN sau thuế
Q2/25
165
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.0| 13.5%
YoY: ▼25.0| -13.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
12.7%
YoY: +/-▼ 5.0%

ROE (TTM)
Q2/25
5.5%
YoY: +/-▼ 0.3%

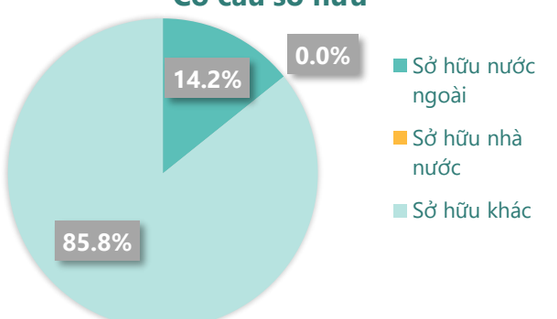
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	18,450 - 27,652
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,832
Số lượng CPLH (CP)	357,642,121
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,016,155
Sở hữu nước ngoài	14.2%
Beta	1.06
EPS	1,169
P/E	18.7

DT thuần
6T 2025
4,795
tỷ VNĐ
YoY: ▼511| -9.6%

LN thuần
6T 2025
371
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.0| -2.6%

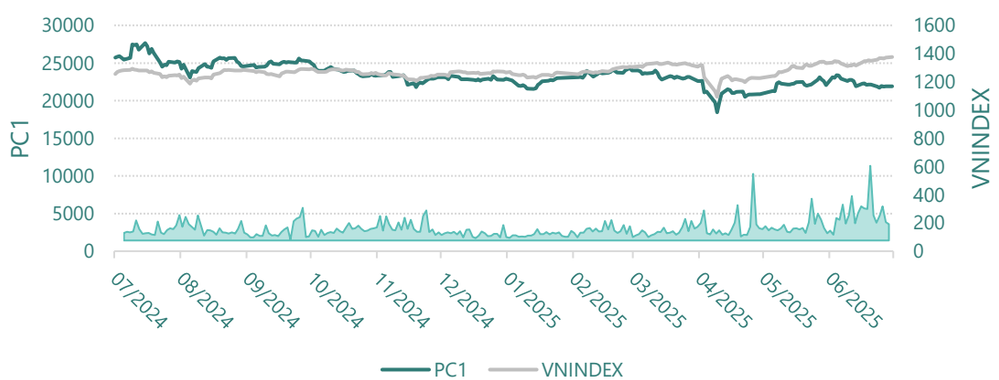
LN sau thuế
6T 2025
310
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.00| -2.9%

Cơ cấu sở hữu

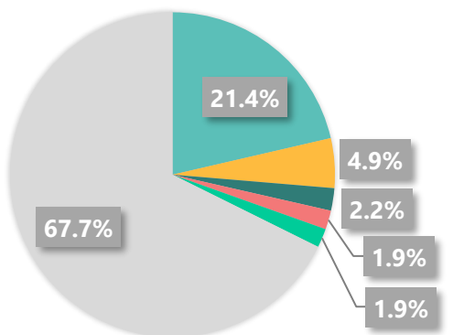


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



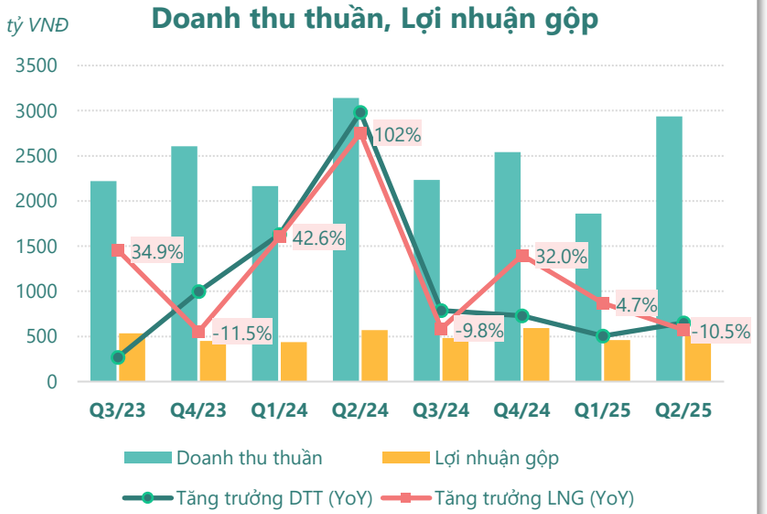
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

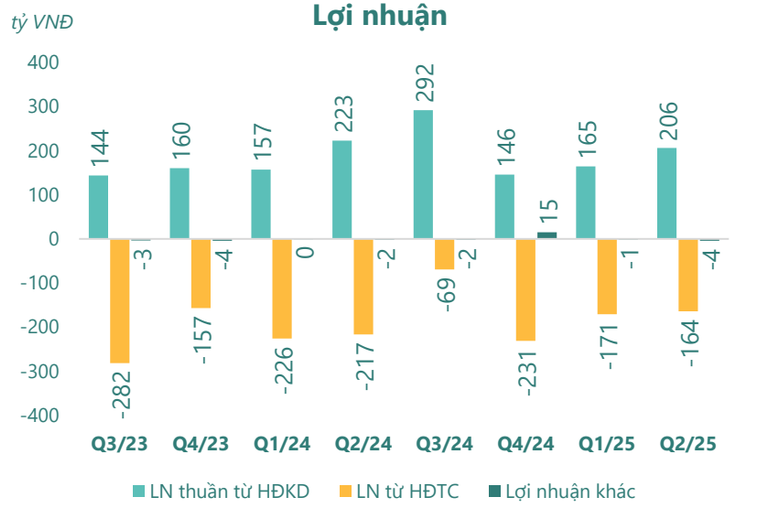
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



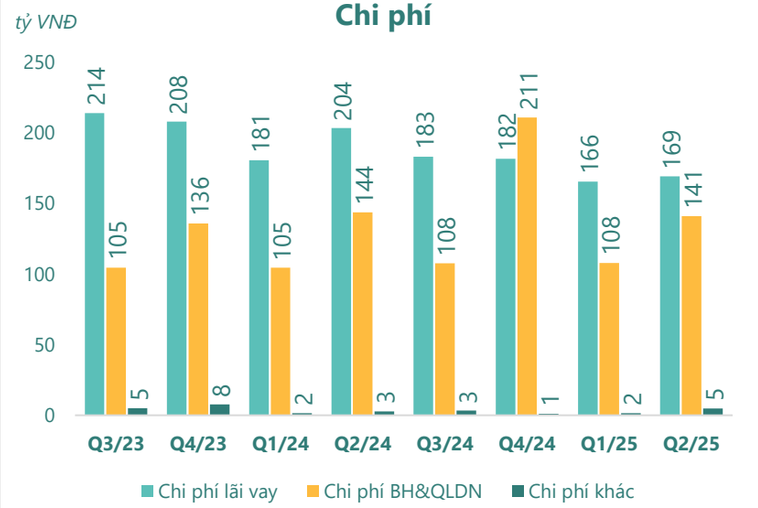
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



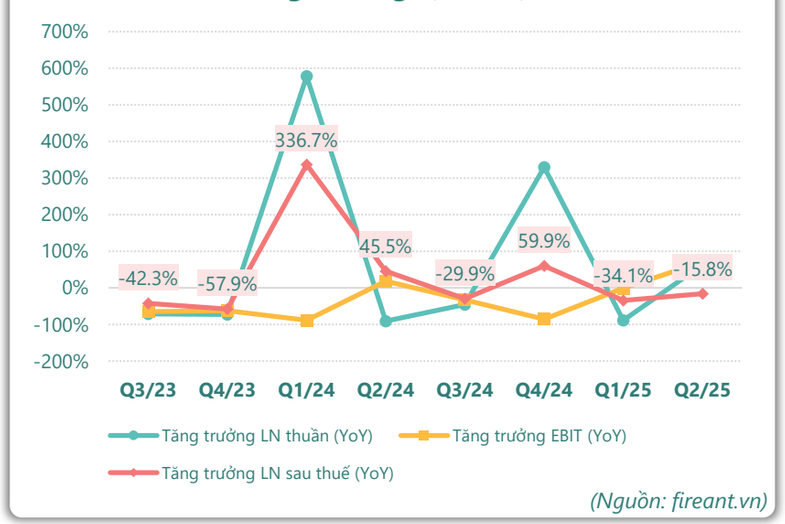
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



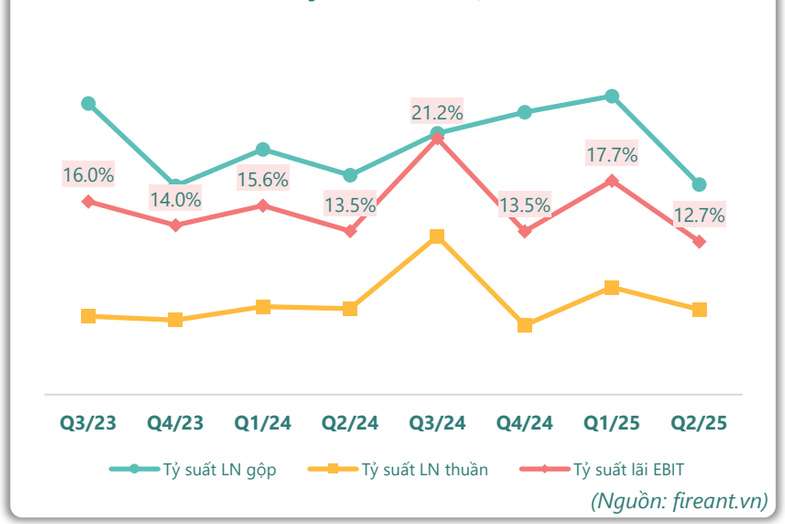
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



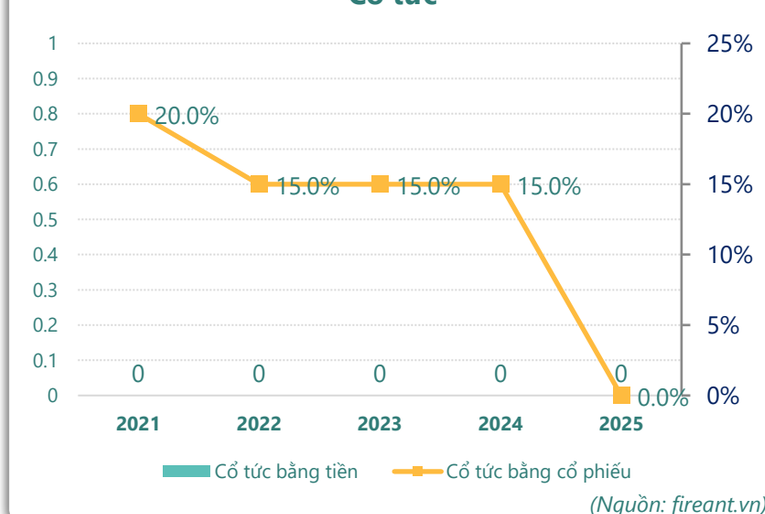
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

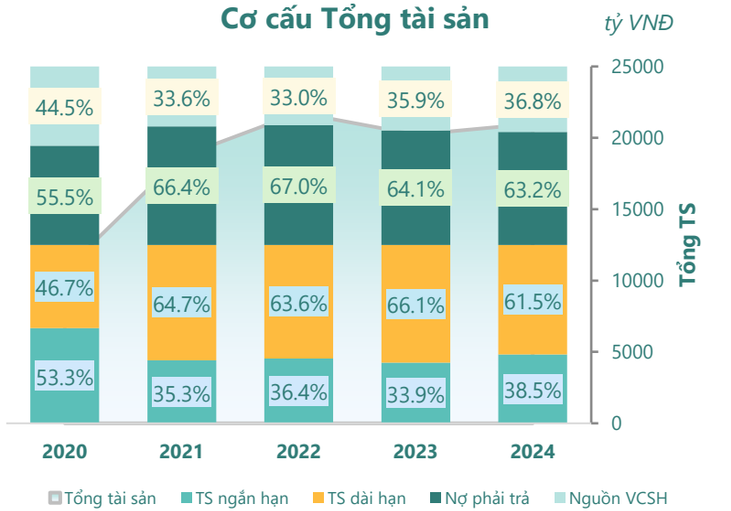
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

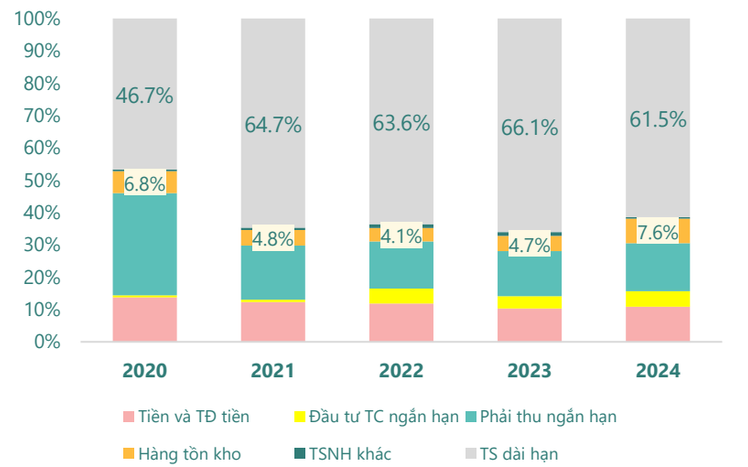
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



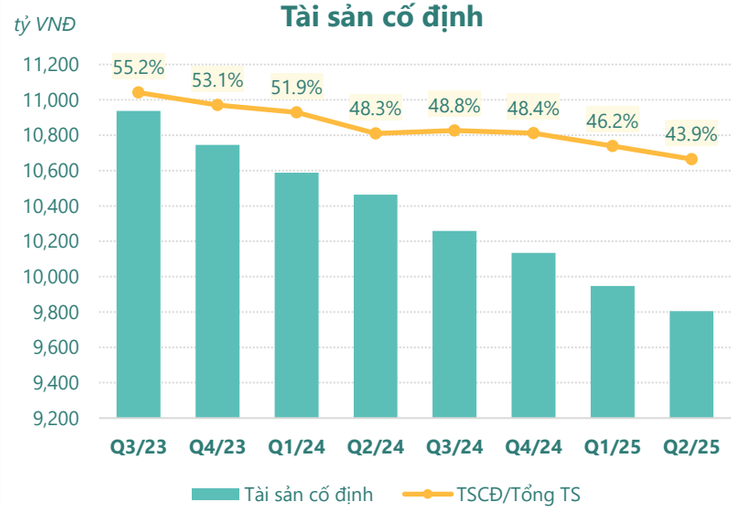
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



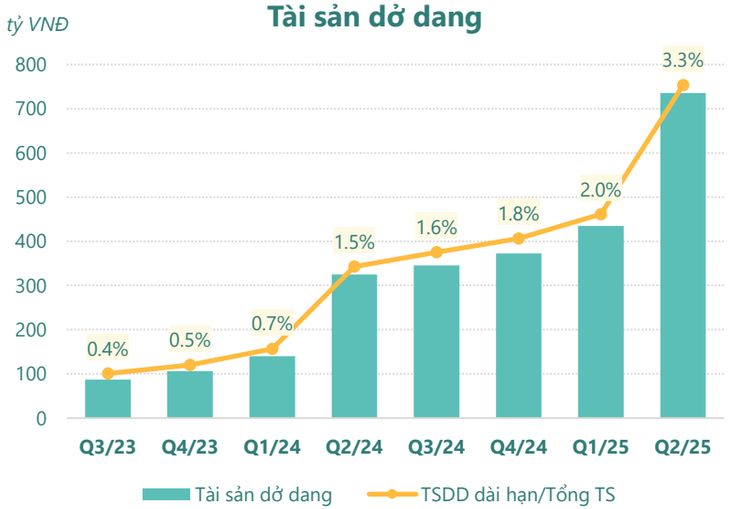
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



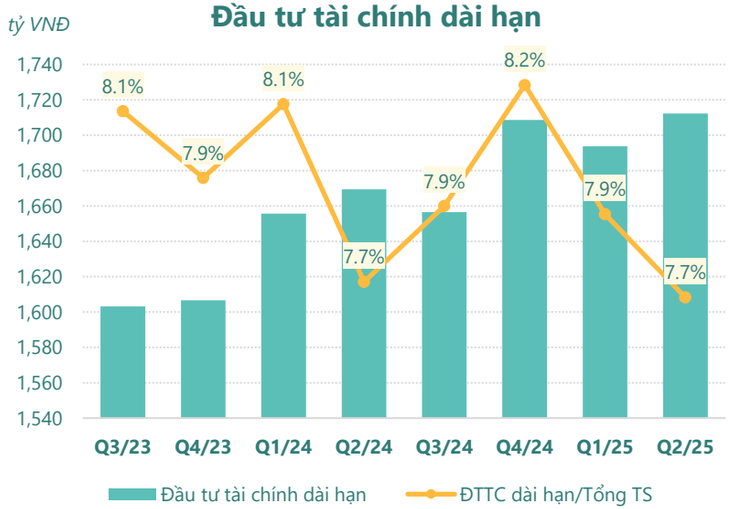
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



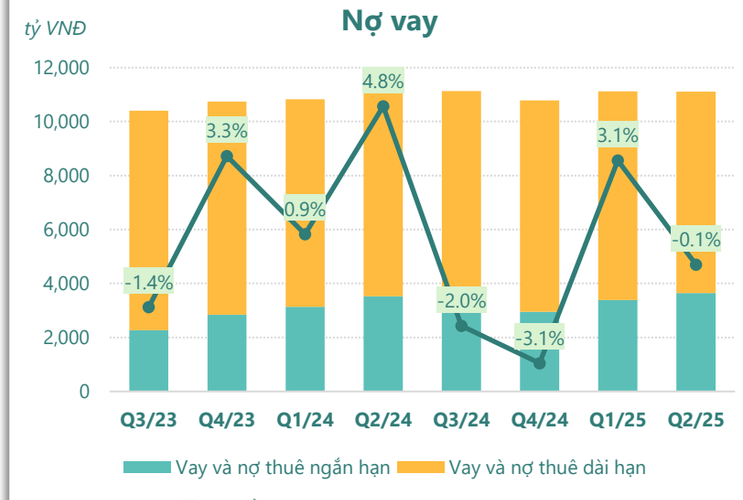
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

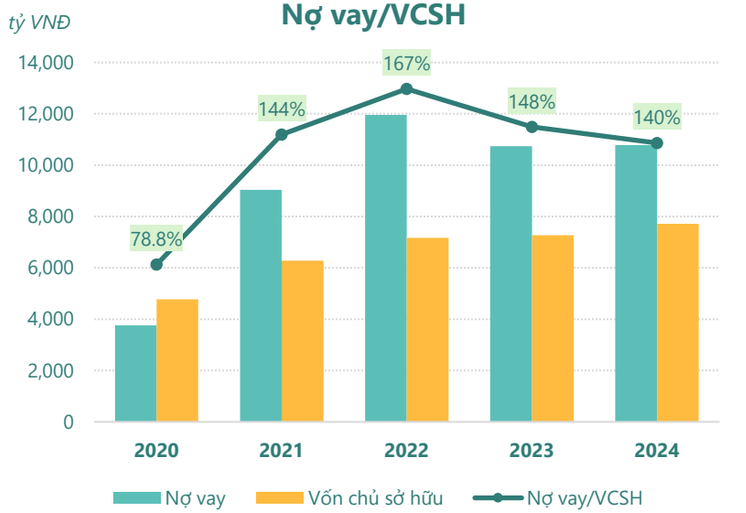
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

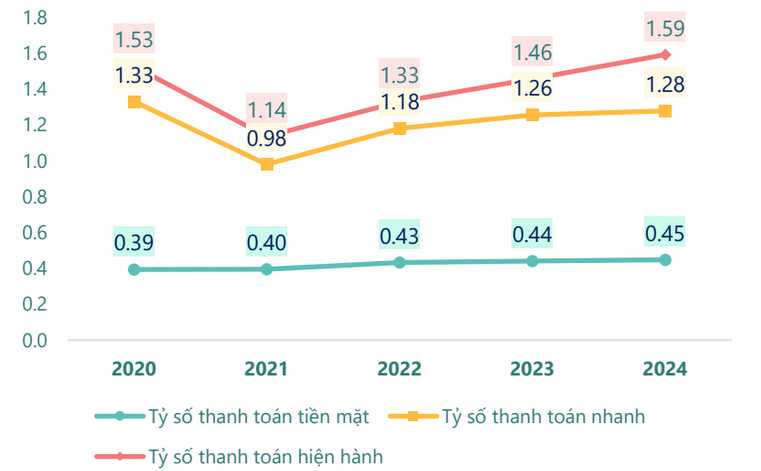
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



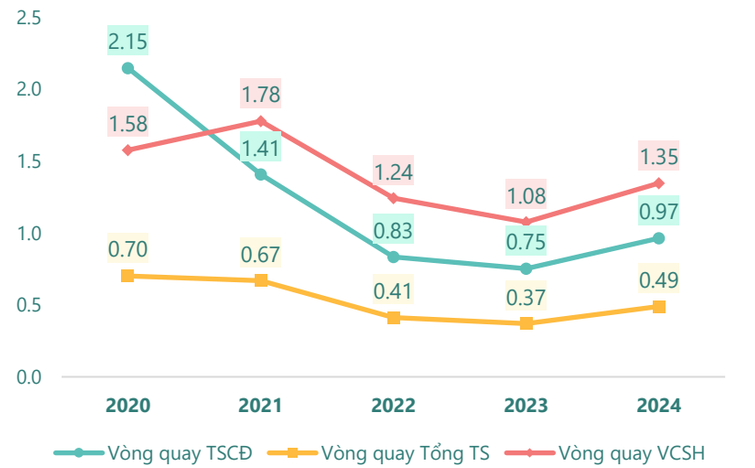
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



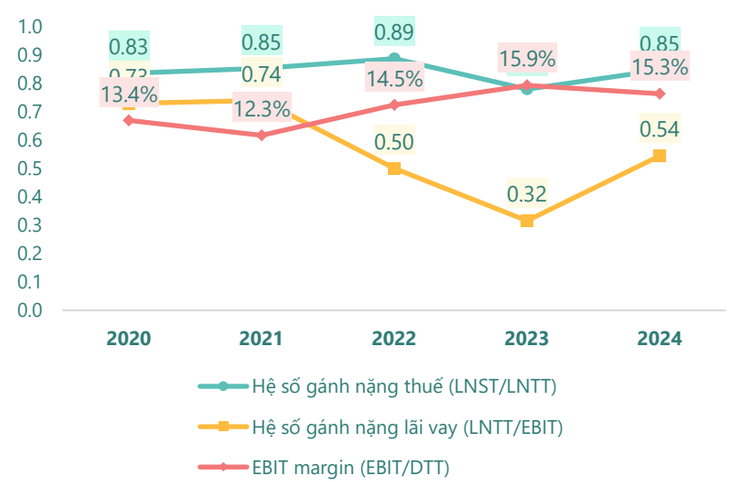
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



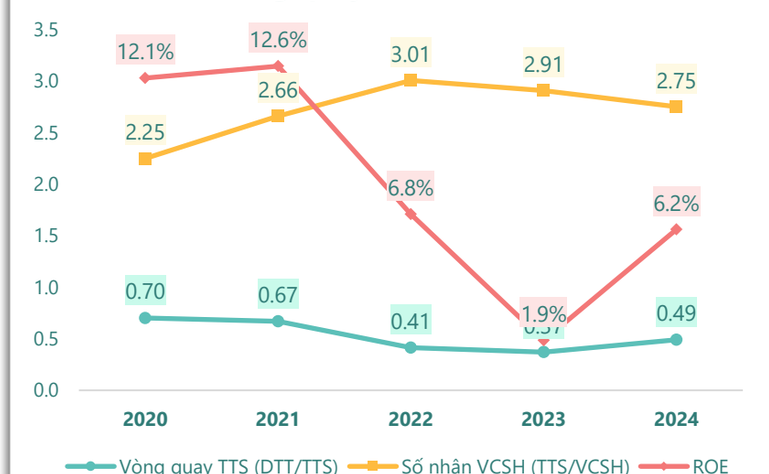
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



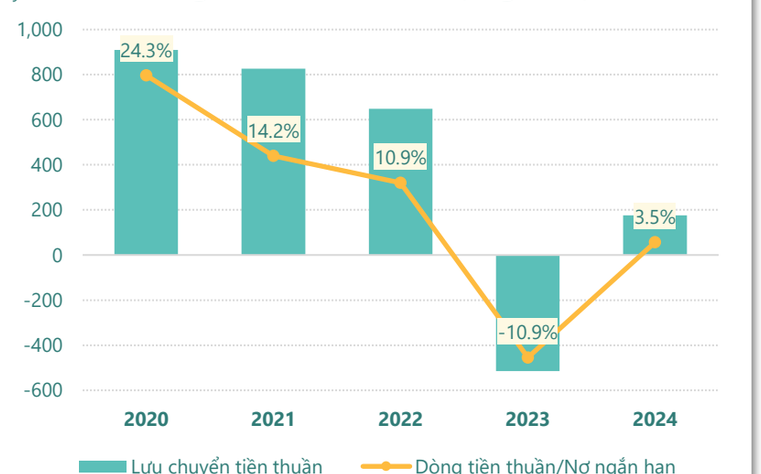
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,935**	**3,141**	**-6.6%**	**4,795**	**5,306**	**-9.6%**
Giá vốn hàng bán	2,425	2,571	-5.7%	3,827	4,298	-11.0%
Lợi nhuận gộp	510	570	-10.6%	969	1,008	-3.9%
Doanh thu HĐTC	62.6	50.2	24.7%	99.8	94.1	6.1%
Chi phí TC	227	267	-15.0%	435	537	-18.9%
Chi phí lãi vay	169	204	-17.0%	335	384	-12.8%
LN trong công ty LKLD	**1.99**	**14.3**	**-86.0%**	**-13.4**	**63.6**	**-121%**
Chi phí bán hàng	23.9	23.6	1.2%	41.6	36.0	15.7%
Chi phí QLDN	**117**	**120**	**-2.3%**	**207**	**212**	**-2.3%**
LN thuần từ HĐKD	206	223	-7.6%	371	381	-2.6%
Lợi nhuận khác	**-4.05**	**-2.34**	**-73.1%**	**-5.44**	**-2.37**	**-129%**
LN trước thuế	202	221	-8.6%	365	378	-3.4%
Lợi nhuận sau thuế	**165**	**190**	**-13.4%**	**310**	**319**	**-2.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**142**	**159**	**-10.8%**	**197**	**240**	**-17.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-142	356	-29.1	888	9.61	267
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-381	-294	263	-315	-17.4	-347
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.9	383	-132	-509	284	-123
Tiền đầu kỳ	2,082	1,563	1,999	2,095	2,277	2,554
Lưu chuyển tiền thuần	**-535**	**445**	**102**	**63.5**	**276**	**-202**
Ảnh hưởng tỷ giá	15.6	-9.29	-6.08	19.2	0.92	4.95
Tiền cuối kỳ	1,563	1,999	2,095	2,177	2,554	2,357

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**22,315**	**20,988**	**6.3%**
Tài sản ngắn hạn	9,386	8,086	16.1%
Tiền và tương đương tiền	2,357	2,277	3.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,149	1,017	13.0%
Phải thu ngắn hạn	3,478	3,112	11.8%
Hàng tồn kho	2,248	1,588	41.6%
Tài sản ngắn hạn khác	154	92.3	66.6%
Tài sản dài hạn	**12,929**	**12,902**	**0.2%**
Phải thu dài hạn	24.7	32.8	-24.9%
Tài sản cố định	9,805	10,147	-3.4%
Bất động sản đầu tư	103	112	-8.1%
Tài sản dở dang	735	373	97.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,712	1,709	0.2%
Tài sản dài hạn khác	**385**	**347**	**11.0%**
Lợi thế thương mại	164	181	-9.7%
Nợ phải trả	14,416	13,272	8.6%
Nợ ngắn hạn	**6,576**	**5,078**	**29.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,645	2,950	23.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,671	1,121	49.1%
Nợ dài hạn	7,840	8,193	-4.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	7,465	7,831	-4.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**7,899**	**7,716**	**2.4%**
Vốn chủ sở hữu	**7,899**	**7,716**	**2.4%**
Vốn điều lệ	3,576	3,576	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)